TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 16/4/2019.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH – TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/02/2019, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Minh D, sinh năm 1996; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn 7, xã N, huyện T, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Trần Quang C, sinh năm 1990; Vắng mặt.

Trú tại: Thôn 1, xã Đ, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Chị Đỗ Thị Minh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Minh D và anh Trần Quang C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị D và anh C chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh C thường xuyên đi nhậu, say xỉn, không lo làm ăn tạo thu nhập để trang trải cuộc sống, mọi chi tiêu của gia đình đều do một mình chị D lo. Trong cuộc sống, vợ chồng thường cãi vã, thậm chí anh C còn dùng vũ lực với chị D khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 02/2019 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn nên chị D về nhà cha mẹ ở xã N sinh

sống chứ không còn chung sống với anh C nữa. Hiện nay, chị D không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị D và anh Ch có 01 người con chung tên Trần Thị Ngọc X, sinh ngày 06/01/2016. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị D cung cấp: Giấy đăng ký kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh con (Bản sao); 02 Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (Bản sao).

Bị đơn - anh Trần Quang C trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang C và chị Đỗ Thị Minh D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh B. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị D thường xảy ra mâu thuẫn. Khi vợ chồng trao đổi bất cứ vấn đề gì cũng xảy ra cãi vả nhau và chị D thường hay bỏ về nhà cha mẹ ruột. Anh C và chị D đã sống ly thân từ khoảng tháng 01/2019 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh C đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh C và chị D có 01 người con chung tên Trần Thị Ngọc X, sinh ngày 06/01/2016. Khi ly hôn, anh C đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng người con chung cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ anh C cung cấp: Không.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Minh D đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự. Riêng bị đơn anh Trần Quang C không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 203, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Minh D. Về con chung: Giao người con chung Trần Thị Ngọc X, sinh ngày 06/01/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí: Nguyên đơn chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, nguyên đơn – chị Đỗ Thị Minh D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt (đơn ghi ngày 29/3/2019). Bị đơn – anh Trần Quang C vắng mặt; mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Minh D và anh Trần Quang C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T vào năm 2015. Thông qua các biên bản ghi lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt; chị D vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh C. Bởi vì sau khi kết hôn, chị D và anh C chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm; giữa vợ chồng không có sự giúp đỡ, nhường nhịn lẫn nhau, dẫn đến những mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng; chị D hiện nay không còn tình cảm gì với anh C, vợ chồng đã không chung sống với nhau từ khoảng tháng 02/2019 đến nay. Riêng về phần anh C, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2019 (bút lục số 12), anh C thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị D vì hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, ít liên lạc, quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, khi được Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải thì anh C không chấp hành; do đó Tòa án không thể ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa chị D với anh C mà phải đưa vụ án ra xét xử công khai. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; điều này phù hợp với nội dung trình bày của các đương sự và nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của chị D và anh C tại địa phương. Nên cần xem xét xử cho chị D được ly hôn với anh C theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị D và anh C có người con chung tên là Trần Thị Ngọc X, sinh ngày 06/01/2016. Hiện nay cháu X đang ở với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu X cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai của anh C (bút lục số 12) cũng thể hiện anh C đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng người con chung chứ không tranh chấp gì với chị D về quyền nuôi con. Do đó cần tiếp tục giao cháu Trần Thị Ngọc X, sinh ngày 06/01/2016 cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi thành niên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con thì chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến trong vụ án.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đỗ Thị Minh D và anh Trần Quang C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Minh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 về án phí.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị Minh D được ly hôn với anh Trần Quang C.

- *Về con chung:* Chị Đỗ Thị Minh D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Trần Thị Ngọc X, sinh ngày 06/01/2016 cho đến khi thành niên. Anh Trần Quang C không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị D nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Đỗ Thị Minh D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0013132 ngày 19/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị Đỗ Thị Minh D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. T;
- UBND xã Đ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ